

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

TỈNH VĨNH LONG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2022

“V/v Ly hôn giữa

bà H và ông T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phụng;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Mạch Thị H**, sinh năm: 1987; địa chỉ cư trú: 3/11 Hẻm 16, Khóm 3, đường P, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; (có đơn đề nghị xử vắng mặt);

- **Bị đơn:** Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm: 1982; địa chỉ: Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Mach Thi H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Ngọc T quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 08/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Bà và ông T sống hạnh phúc

đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, chuyện ai nấy làm, không còn quan tâm lẫn nhau và sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên Bà yêu cầu giải quyết được ly hôn ông T. Về con chung: Bà và ông T có một người con chung là Trần Ngọc Tuyết V, sinh ngày 11/6/2012, nay con đang sống chung với bà H, sau khi ly hôn Bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Về tài sản chung: Bà tự thỏa thuận với ông T không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Bà H khai trong quá trình hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn Bà và ông T không có nợ chung. Tại phiên tòa, bà H có đơn đề nghị xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu trong đơn kiện.

* Tại biên bản hòa giải ngày 14/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T xác định quá trình sống chung và các mâu thuẫn phát sinh trong thời kỳ hôn nhân bà H trình bày là đúng, mâu thuẫn phát sinh do giữa vợ, chồng không có tiếng nói chung, sau thời gian Ông có tìm cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng bà H luôn tránh né và có thời gian sống ly thân. Ông còn thương vợ, con muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng để chăm lo cho con nên không đồng ý ly hôn. Ngày 29/12/2021 Tòa án tiến hành hòa giải lần 2 để Ông và bà H có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng Ông không đến nên không hòa giải được. Trường hợp, xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H cho ly hôn thì Ông đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, Ông không cấp dưỡng nuôi con và được quyền tới thăm con chung. Về tài sản chung: Ông thống nhất ý kiến bà H trình bày là tự thỏa thuận; nợ chung: Ông thống nhất ý kiến bà H không có. **Tại phiên tòa ông T vắng mặt đến lần thứ hai.**

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Mạch Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, ông Trần Ngọc T không đồng ý và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Bà H có đơn xin xử vắng mặt, **ông T vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai**, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

Hiện nay, bà H và ông T sống ly thân từ năm 2017, sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng Ông, Bà không yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của Ông, Bà; tại biên bản lấy khai ngày 14/12/2021 Tuyết V có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Bà H xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong hôn nhân, do ông T và Bà thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống; ông T không đồng ý yêu cầu xin ly hôn. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết bà H đã xác định được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, Bà và ông T có thời gian sống ly thân nhau đã lâu, bà H xin ly hôn ông T không đồng ý. Xét thấy, quá trình giải quyết Tòa tiến hành hòa giải đến lần thứ 2, tạo điều kiện để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành. Ông T vắng mặt lần thứ 2, từ đó cho thấy dù ông T không đồng ý ly hôn, không tự hòa giải được với bà H và cũng không có ý kiến gì khác để Hội đồng xét xử xem xét. Bà H kiên quyết giữ quan điểm ly hôn vì mâu thuẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hằng đối với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông T có một người con chung là Tuyết V, hiện nay đang sống với bà H và sau khi ly hôn vẫn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, nguyện vọng của con muốn sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng Bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H tự thỏa thuận với ông T nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Bà H, ông T khai thời kỳ hôn nhân không có nợ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV - QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H phải nộp án phí sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ, ông T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Mạch Thị H và ông Trần Ngọc T.

1.2/ Về nuôi con chung: Bà H và ông T có một người con chung là Trần Ngọc Tuyết V, sinh ngày 11/6/2012 giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của cháu V; ông T không cấp dưỡng nuôi con;

1.3/ Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Bà Mạch Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0000808 ngày 12/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi ly hôn ông T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

.....

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 21 tháng 02 năm 2022;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phụng;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 243/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2021 về “Tranh chấp Xin ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Mạch Thị Hằng**, sinh năm: 1987; địa chỉ cư trú: 3/11 Hẻm 16, Khóm 3, đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; (có đơn đề nghị xử vắng mặt);

- **Bị đơn:** Ông **Trần Ngọc Thơ**, sinh năm: 1982; địa chỉ: 67/25K Phó Cơ Điều, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬT, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Mạch Thị Hằng và ông Trần Ngọc Thơ.

1.2/ Về nuôi con chung: Bà Hằng và ông Thơ có một người con chung là Trần Ngọc Tuyết Vân, sinh ngày 11/6/2012 giao cho bà Hằng trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của cháu Vân; ông Thơ không cấp dưỡng nuôi con;

1.3/ Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Bà Mạch Thị Hằng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0000808 ngày 12/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà Hằng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi ly hôn ông Thơ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà Hằng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

.....

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- UBND xã Long Thới,
huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Loan

Út tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2013 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân của bà Mười Hai và ông Út là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Mười Hai và ông Út phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 đã gửi đơn xin ly hôn một lần nhưng sau đó rút đơn, nay Ông, Bà tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân với nhau từ tháng 10/2017 đến nay. Xét thấy, bà Mười Hai và ông Út không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Mười Hai yêu cầu ly hôn và được ông Út đồng ý

